

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 243/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Bộ Y tế chịu trách nhiệm theo dõi và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình hành động này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Khiêm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

**Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-TW ngày 23 tháng 02 năm 2005
của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao
sức khỏe nhân dân trong tình hình mới**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 243/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10
năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC TIÊU

Ngày 23 tháng 02 năm 2005, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 46/NQ-TW về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Đây là Nghị quyết rất quan trọng đối với toàn Đảng, toàn dân, là định hướng để phát triển công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân phù hợp với tình hình mới.

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình hành động này là cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết số 46/NQ-TW; xác định và phân công rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức thực hiện; đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, tạo bước chuyển biến rõ rệt trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, củng cố và phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe

đồng bộ từ trung ương đến cơ sở. Mục tiêu cuối cùng là làm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu chung về sức khỏe cần đạt được vào năm 2010:

- Tuổi thọ trung bình tăng lên trên 72 tuổi.
- Tỷ suất chết mẹ giảm xuống dưới 70/100.000 trẻ đẻ sống.
- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống dưới 16‰ trẻ đẻ sống.
- Tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 25‰ trẻ đẻ sống.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống dưới 20%.

b) Các chỉ tiêu dịch vụ y tế đến năm 2010

- Đạt tỷ lệ trên 7 bác sỹ/10.000 dân.
- Đạt tỷ lệ trên 1 dược sỹ đại học/10.000 dân.
- Bảo đảm 60% thuốc chữa bệnh được sản xuất trong nước.
- Sản xuất trong nước trang thiết bị y tế thông dụng, đáp ứng 60% nhu cầu.

II. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

Tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đặc biệt là ở cơ sở, phải xác định việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng; quy định rõ trách nhiệm và kiểm tra hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ở từng địa phương, đơn vị.

Nâng cao nhận thức của người dân về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Cần nhận thức sâu sắc quan điểm sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người, mỗi gia đình và toàn xã hội. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng, là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội; góp phần bảo đảm nguồn nhân lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe phải được coi là đầu tư cho phát triển, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ.

Nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt. Mỗi cán bộ, nhân viên y tế phải không ngừng nâng cao đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn, xứng đáng với sự tin cậy và tôn vinh của xã hội, thực hiện tốt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Lương y phải như từ mẫu”.

Đa dạng hóa các loại hình truyền thông để nhân dân tự giác và tích cực tham gia vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe như phong trào vệ sinh phòng bệnh, rèn luyện thân thể, phòng chống bệnh dịch, phòng chống các tệ nạn xã hội, hạn chế những lối sống và thói quen có hại cho sức khỏe, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh, tạo ra phong trào “Toàn dân vì sức khỏe”.

2. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế Việt Nam theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển

a) Xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống y tế

Xây dựng và phát triển hệ thống y tế Việt Nam theo hướng tăng cường xã hội hóa, trong đó y tế công lập đóng vai trò chủ đạo, đủ khả năng giải quyết về cơ bản nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân trong từng thời kỳ với kỹ thuật chuyên môn cao; bảo đảm sự công bằng và hiệu quả trong khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, dự phòng và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Nhà nước thống nhất quản lý về chuyên môn kỹ thuật y tế trên phạm vi cả nước từ Trung ương đến địa phương, bao gồm cả y tế công lập và y tế tư nhân.

Y tế công do Nhà nước thành lập và làm chủ sở hữu, quản lý, điều hành và đầu tư phát triển nhằm phục vụ mọi tầng lớp nhân dân trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, đặc biệt là phục vụ người nghèo, người có thu nhập thấp, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội.

Trên cơ sở Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân, Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích phát triển các cơ sở y tế tư nhân. Các cá nhân hoặc tổ chức tư nhân được phép đăng ký thành lập cơ sở hành nghề y dược, đặc biệt là các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân tại các thành phố, thị xã và các phòng khám đa khoa ở những nơi tập trung đông dân cư và các

khu vực xa cơ sở y tế công lập. Đến năm 2010, các tỉnh, thành phố lớn đều có bệnh viện tư nhân. Khuyến khích các phòng mạch tư nhân hiện có nâng cấp thành các phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa, bảo đảm chất lượng chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế. Đến năm 2020, hầu hết các tỉnh đều có bệnh viện tư nhân.

Khuyến khích phát triển các trung tâm tư vấn sức khỏe; phát triển mô hình “Bác sỹ gia đình”, trước mắt là thực hiện ở các thành phố lớn nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở y tế. Triển khai thực hiện khám, chữa bệnh cho các đối tượng có thể bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế tư nhân theo Nghị định số 63/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về Điều lệ Bảo hiểm y tế.

Phát triển các nhà điều dưỡng tư nhân, trong đó chú trọng chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người cao tuổi, người tàn tật.

Nhà nước tạo điều kiện phát triển các bệnh viện liên doanh, liên kết với nước ngoài và phát triển các bệnh viện 100% vốn nước ngoài.

b) Phát triển và hoàn thiện mạng lưới y tế dự phòng

Phát triển mạng lưới y tế dự phòng một cách toàn diện và hợp lý, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong lĩnh vực phòng bệnh; bảo đảm cho các cơ sở y tế dự phòng đủ điều kiện

và năng lực thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn trong tình hình mới.

Tiếp tục phát triển các đơn vị y tế dự phòng tuyến Trung ương với chức năng đầu ngành trong lĩnh vực y tế dự phòng trên phạm vi cả nước hoặc trên phạm vi vùng. Nâng cấp các phòng xét nghiệm an toàn sinh học đạt tiêu chuẩn quốc tế cấp 3 vào năm 2010 tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương và tại các Viện khu vực: Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên. Đến năm 2020, có ít nhất 1 phòng xét nghiệm an toàn sinh học của Việt Nam đạt tiêu chuẩn quốc tế cấp 4 tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Đến năm 2010, đầu tư nâng cấp 100% các phòng xét nghiệm của trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh đạt tiêu chuẩn Labo sinh học an toàn cấp 1. Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều thành lập trung tâm phòng, chống và kiểm soát HIV/AIDS trên cơ sở các đơn vị đang thực hiện công tác phòng, chống HIV/AIDS thuộc các trung tâm y tế dự phòng hiện nay.

Đến hết năm 2005, hoàn thành việc thành lập các trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện do Sở Y tế quản lý và chỉ đạo để thực hiện tốt công tác y tế dự phòng tuyến huyện. Đến năm 2010, các trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện tối thiểu phải có các khoa dịch tễ, khoa phòng, chống HIV/AIDS, khoa phòng, chống các bệnh xã hội.

Tập trung thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống HIV/AIDS; củng cố và phát triển y tế học đường.

Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm từ Trung ương đến địa phương. Đến năm 2010, tất cả các trung tâm y tế dự phòng tỉnh, thành phố có khoa an toàn vệ sinh thực phẩm, tại trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện có khoa an toàn vệ sinh thực phẩm.

Xây dựng và phát triển hệ thống kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm trong ngành Y tế. Đến năm 2010, có 5 trung tâm kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm (1 trung tâm quốc gia tại Hà Nội và 4 trung tâm vùng đặt tại: Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh y tế công cộng thành phố Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên và thành phố Cần Thơ).

Bộ Y tế phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ “Kế hoạch hành động quốc gia bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đến năm 2010” nhằm thiết lập và duy trì thị trường thực phẩm an toàn, phục vụ người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, thực hiện Hiệp định của WTO về an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) và Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT) trong quá trình gia nhập WTO. Nghiên cứu, đề xuất trình Chính phủ mô hình tổ chức thích hợp cho công tác quản lý nhà nước về thuốc và mỹ phẩm, thực phẩm.

Đánh giá hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia thanh toán một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS giai đoạn 2001 - 2005, trên cơ sở đó nghiên cứu mở rộng và tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu y tế quốc gia giai đoạn 2006 - 2010.

Phát huy vai trò và tính hiệu quả của chương trình kết hợp quân - dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đưa chương trình kết hợp quân - dân y thành một nội dung của chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Kiện toàn tổ chức, phân công rõ trách nhiệm, có lực lượng chuyên trách nòng cốt đủ mạnh để thực hiện chức năng chỉ đạo và triển khai các nội dung kết hợp quân - dân y.

c) Củng cố, hoàn thiện mạng lưới và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh

Xây dựng quy hoạch mạng lưới khám, chữa bệnh trên phạm vi cả nước, từng vùng và từng địa phương phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Củng cố và sắp xếp mạng lưới khám, chữa bệnh công lập theo cụm dân cư; phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và có quy định chuyển tuyến chặt chẽ. Chuẩn hóa các phương tiện và kỹ thuật thường quy, sử dụng có hiệu quả và khai thác hết công suất các thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị.

Đẩy mạnh và tăng cường các hoạt động phục hồi chức năng, phòng ngừa các di chứng; ưu tiên đầu tư nâng cấp các cơ sở

khám, chữa bệnh tuyến huyện để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe khi có nhu cầu.

Phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân, đặc biệt là các bệnh viện, phòng khám đa khoa và chuyên khoa tư nhân, nhằm góp phần đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

Song song với việc củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, ưu tiên đầu tư phát triển y tế kỹ thuật cao đạt trình độ chuyên môn kỹ thuật ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Đặc biệt quan tâm khám, chữa bệnh cho người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số để góp phần bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe.

Tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển và khai thác có hiệu quả 3 trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội, Huế - Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2010, các trung tâm y tế chuyên sâu có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ có trình độ ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực. Tạo cơ chế để các trung tâm này phát triển các kỹ thuật cao để có khả năng thu hút người nước ngoài đến Việt Nam điều trị bệnh hoặc kết hợp giữa du lịch và điều trị bệnh.

Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất và nhân lực để sớm thành lập trung tâm y tế chuyên sâu tại thành phố Cần Thơ.

Thành lập mới các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành về các bệnh truyền nhiễm, da liễu, lão khoa và tim mạch.

Xây dựng các trung tâm y tế vùng tại Sơn La, Thái Nguyên, Hải Phòng, Nam Định, Nghệ An, Bình Định, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kiên Giang và Tiền Giang. Các bệnh viện đa khoa vùng được xây dựng hoàn chỉnh, đầu tư đồng bộ và phát triển đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I, có kỹ thuật chuyên môn cao nhất trong vùng, bảo đảm đủ khả năng giải quyết tốt nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong vùng với chất lượng cao.

Xây dựng đề án củng cố và hoàn thiện các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh giai đoạn 2006 - 2010 để các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân địa phương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án củng cố và nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện giai đoạn 2005 - 2008 để các bệnh viện tuyến huyện có khả năng hoàn thành tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân địa phương.

Thực hiện đạt chỉ tiêu 20,5 giường bệnh/10.000 dân vào năm 2010 (trong đó có 10% là giường bệnh tư nhân) và đạt 25 giường bệnh/10.000 dân vào năm 2020 (trong đó có 20% là giường bệnh tư nhân).

d) Phát triển mạng lưới y tế cơ sở

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về cơ sở vật chất, trang

thiết bị và cán bộ y tế để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cơ bản của toàn dân, đặc biệt là của người nghèo.

Củng cố tổ chức, mạng lưới và hoạt động chuyên môn y tế xã. Đến năm 2010, tại 100% xã, phường có trạm y tế kiên cố phù hợp với điều kiện kinh tế, địa lý, môi trường sinh thái và nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn.

Bảo đảm 80% số xã có bác sỹ, trong đó 100% các xã ở đồng bằng và 60% các xã miền núi có bác sỹ.

Phấn đấu đến hết năm 2010 có 75% số xã trong cả nước đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

3. Nâng cao sức khỏe nhân dân

a) *Xây dựng Làng Văn hóa - Sức khỏe*: phát triển mạnh mẽ các phong trào vệ sinh phòng bệnh; đưa các tiêu chí về sức khỏe vào chương trình xây dựng Làng Văn hóa - Sức khỏe. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa và nội dung của phong trào Làng Văn hóa - Sức khỏe. Đến năm 2010, có 80% số thôn, bản, làng và khu dân cư đạt các tiêu chí về sức khỏe trong phong trào "Làng Văn hóa - Sức khỏe".

b) *Tăng cường luyện tập thể dục, thể thao*: đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể, tập thể dục, thể thao. Phát huy vai trò của công tác truyền thông, giáo

dục sức khỏe, nâng cao hiểu biết, thái độ và chuyển đổi hành vi của mỗi cá nhân để hoạt động này trở thành nếp sống phổ biến, thường xuyên của cộng đồng.

c) *Xây dựng nếp sống có lợi cho sức khỏe, bảo đảm an toàn cộng đồng*: trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng chủ động xây dựng nếp sống văn minh, hạn chế lối sống và các thói quen gây tác hại đối với sức khỏe như uống rượu, bia, hút thuốc lá, không chấp hành an toàn lao động và an toàn giao thông.

Tích cực triển khai có hiệu quả chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá; chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích. Xây dựng đề án phòng, chống tác hại của rượu, bia đối với sức khỏe.

Nghiêm cấm các hoạt động quảng cáo thuốc lá, rượu mạnh và các chất kích thích có hại cho sức khỏe.

d) *Sức khỏe môi trường*: tăng cường công tác quản lý về bảo vệ môi trường. Chỉ đạo, hướng dẫn, vận động, tổ chức cho nhân dân tham gia các hoạt động làm lành mạnh môi trường sống và môi trường lao động.

đ) *Chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng ưu tiên*: tăng cường công tác giáo dục, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học đường để làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, sinh viên. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe sinh sản vị

thành niên, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

e) *Dinh dưỡng hợp lý và an toàn vệ sinh thực phẩm*: đổi mới và kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm. Đa dạng hóa các loại hình truyền thông để nâng cao nhận thức và huy động nhiều hơn nữa sự tham gia của cộng đồng trong quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm. Đến năm 2010, có 90% người sản xuất, 80% người kinh doanh thực phẩm, 100% người quản lý và 80% người tiêu dùng có hiểu biết và thực hành đúng về an toàn vệ sinh thực phẩm.

Gắn kết chặt chẽ việc xây dựng các mô hình điểm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm với phong trào toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa. Nhân rộng các điển hình về bảo đảm an toàn vệ sinh thức ăn đường phố, đặc biệt là tại các thành phố lớn. Đến năm 2010, có 70% số phường, xã của các đô thị đặc biệt, đô thị loại I và loại II đạt tiêu chuẩn bảo đảm an toàn vệ sinh thức ăn đường phố.

4. Nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển y dược học cổ truyền

Xây dựng Quy hoạch mạng lưới y dược học cổ truyền Việt Nam làm căn cứ để đầu tư phát triển và hoàn thiện mạng lưới. Đầu tư phát triển nhanh Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam. Thành lập bệnh viện kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại với quy mô 300 giường làm cơ sở thực hành của Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam.

Thành lập trường Đại học Y dược học cổ truyền thuộc Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh vào giai đoạn 2010 - 2020, kết hợp với việc mở rộng Viện Y dược học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh vào giai đoạn sau năm 2010 để làm cơ sở thực tập cho sinh viên.

Củng cố và hiện đại hóa Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương, Bệnh viện Châm cứu tại Hà Nội đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I để thực hiện chức năng bệnh viện đầu ngành về y học cổ truyền.

Phát triển bệnh viện y học cổ truyền ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bệnh viện đa khoa các tuyến đều có khoa y học cổ truyền. Các trạm y tế xã, phường có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm khám, chữa bệnh cho nhân dân bằng y học cổ truyền.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển y dược học cổ truyền thành một chuyên ngành khoa học. Mở rộng vùng nuôi, trồng nguyên liệu làm thuốc, bào chế và sản xuất thuốc. Thành lập và phát triển bộ môn y học cổ truyền tại các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế trong toàn quốc để đáp ứng nguồn nhân lực làm công tác y học cổ truyền đang thiếu hụt.

5. Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và hợp lý. Bảo đảm đạt được các chỉ tiêu cơ bản: có trên 7 bác sỹ/10.000 dân vào năm 2010 và có trên 8 bác sỹ/10.000 dân vào năm 2020; 1 dược sỹ đại học/10.000

dân vào năm 2010 và 1,5 dược sỹ/10.000 dân vào năm 2020, trong đó tuyến huyện có ít nhất từ 1 đến 3 dược sỹ đại học. Bảo đảm cơ cấu cán bộ y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh là 3,5 điều dưỡng/1 bác sỹ. Phát triển nguồn nhân tài, cán bộ y tế trên đại học để cung cấp cho các cơ sở y tế.

Xây dựng và ban hành Quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo cán bộ y tế; tiêu chuẩn định mức và cơ cấu nhân lực y tế hợp lý để kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các hoạt động chăm sóc sức khỏe. Sắp xếp, mở rộng và nâng cấp các cơ sở đào tạo, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cán bộ y tế phù hợp với quy hoạch phát triển ngành Y tế. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giảng viên có năng lực để đào tạo đáp ứng tăng nhanh về số lượng và chất lượng dược sỹ đại học, điều dưỡng và nữ hộ sinh. Bảo đảm cơ cấu cán bộ y tế cân đối nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Xây dựng 2 trung tâm đào tạo cán bộ y tế tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực. Xây dựng cơ chế hoạt động phù hợp để các trung tâm này có khả năng liên kết đào tạo với một số trường đại học của nước ngoài trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý y tế.

Xây dựng kế hoạch nâng cấp hầu hết các trường trung học y, dược của các tỉnh,

thành phố thành trường cao đẳng y, dược.

Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ dược theo nhiều hình thức: dài hạn và chuyên tu; liên kết đào tạo nhằm đáp ứng số lượng và chất lượng cán bộ dược cho các cơ sở sự nghiệp y tế và cho các doanh nghiệp dược. Mở các khóa đào tạo ngắn hạn về quản lý cho cán bộ y tế, đặc biệt là quản lý bệnh viện trong tình hình mới.

Xây dựng đề án đào tạo nhân tài, đào tạo kỹ thuật cao cho các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế tuyến tỉnh và tuyến trung ương.

Xây dựng đề án đào tạo theo hình thức cử tuyển cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Ủy ban nhân dân các tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long có trách nhiệm tạo nguồn là con em của đồng bào các dân tộc thiểu số để các đối tượng này có đủ điều kiện được đào tạo phù hợp với nhu cầu và trình độ.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt đề án đào tạo theo hình thức cử tuyển đối với vùng Tây Nguyên.

Xây dựng và đề xuất các chính sách để tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ nhân tài trong ngành Y tế. Đẩy mạnh việc đưa cán bộ y tế đi đào tạo nâng cao ở nước ngoài bằng nguồn kinh phí Nhà nước, nguồn viện trợ nước ngoài; khuyến khích tự túc kinh phí đào tạo.

Xây dựng và đề xuất các chính sách ưu đãi đối với cán bộ, nhân viên y tế, đặc biệt là cán bộ y tế tuyến cơ sở, cán bộ y tế làm việc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới, hải đảo. Xây dựng và thực hiện kế hoạch luân chuyển cán bộ, chế độ nghĩa vụ phục vụ công tác ở miền núi, vùng sâu, vùng xa đối với bác sỹ mới tốt nghiệp. Bảo đảm có chế độ phụ cấp đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ đi công tác tăng cường cho tuyến dưới.

Xây dựng và ban hành chế độ phụ cấp ưu đãi nghề thích hợp cho cán bộ, nhân viên ngành Y tế tương đương với ngành giáo dục, vì nghề y là một nghề đặc biệt, cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ đặc biệt.

Thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đối với cán bộ công tác tại trạm y tế xã. Xây dựng cơ chế áp dụng chế độ bảo hiểm đối với những trường hợp bị rủi ro xảy ra do tai nạn nghề nghiệp đối với cán bộ y tế khi đang làm nhiệm vụ.

6. Sản xuất, cung ứng thuốc, vắc xin và sinh phẩm y tế

Xây dựng và phát triển ngành dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn theo hướng công nghiệp hóa, chuyên môn hóa và hiện đại hóa; nâng cao năng lực sản xuất trong nước, chủ động hội nhập khu vực và thế giới, ưu tiên các dạng bào chế công nghệ cao, nhằm bảo đảm cung ứng đủ thuốc thiết yếu thường xuyên và có chất lượng, bảo

đảm sử dụng thuốc hợp lý và an toàn, đáp ứng nhu cầu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Đến năm 2010, bảo đảm sản xuất và cung ứng được tối thiểu 60% nhu cầu thuốc có chất lượng để phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân, trong đó 20% là thuốc y học cổ truyền, với mức tiêu dùng thuốc bình quân đầu người đạt 12 - 15 USD/năm. Trước hết phải đầu tư chiều sâu, nâng cấp các cơ sở sản xuất thuốc trong nước, tăng cường hợp tác quốc tế để tiếp cận với công nghệ hiện đại, tiên tiến của thế giới.

Nghiên cứu và sản xuất vắc xin, sinh phẩm y tế theo hướng hiện đại hóa, sử dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực sản xuất trong nước, đáp ứng đủ nhu cầu về sử dụng vắc xin và sinh phẩm y tế thiết yếu có chất lượng cho nhân dân. Bảo đảm sản xuất để cung cấp đủ 10 loại vắc xin cho Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia, trong đó một số loại có khả năng xuất khẩu; đồng thời cung ứng được ít nhất 50% nhu cầu các loại vắc xin, sinh phẩm y tế khác cho thị trường trong nước.

Đa dạng hóa các loại hình sản xuất và kinh doanh vắc xin, sinh phẩm y tế, trong đó các doanh nghiệp nhà nước là nòng cốt. Khuyến khích tư nhân và nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực này.

Đến năm 2010, các cơ sở sản xuất thuốc, vắc xin và sinh phẩm y tế của Việt Nam đều đạt tiêu chuẩn về thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành

kiểm nghiệm tốt (GLP), và thực hành bảo quản tốt (GSP) của Tổ chức Y tế thế giới.

7. Trang thiết bị và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong y tế

Phát triển công nghiệp trang thiết bị y tế theo hướng hiện đại. Đẩy mạnh nghiên cứu, tiếp cận và ứng dụng những thành tựu về khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại và hợp tác quốc tế trong quá trình phát triển nền công nghiệp trang thiết bị y tế. Từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng chủng loại trang thiết bị y tế phục vụ yêu cầu sử dụng trong nước tiến tới xuất khẩu. Đến năm 2020, trang thiết bị y tế của Việt Nam đạt ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn về lĩnh vực trang thiết bị y tế, tăng cường đào tạo cán bộ có đủ trình độ chuyên môn, kỹ năng khai thác, sử dụng, cũng như bảo trì các trang thiết bị hiện đại để sử dụng được lâu dài và khai thác tối đa công suất sử dụng trang thiết bị.

Bên cạnh việc đầu tư nâng cấp, phát triển mạng lưới y tế phổ cập nhằm bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe đại đa số tầng lớp nhân dân, cần phát triển khoa học công nghệ và khoa học ứng dụng với trình độ kỹ thuật cao tại các cơ sở y tế trung ương, vùng và các tỉnh, thành phố nhằm giải quyết được hầu hết các bệnh, tật đòi hỏi phải có kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị.

Từng bước hiện đại hóa kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, chẩn đoán hóa sinh, lý sinh, miễn dịch, di truyền và sinh học phân tử. Áp dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến về tim mạch, chỉnh hình, vi phẫu thuật, thay thế và ghép tạng. Xây dựng một số phòng xét nghiệm chuẩn và trung tâm kiểm nghiệm chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm tại một số vùng trọng điểm.

Phát triển công nghệ sinh học, đặc biệt là công nghệ gen, công nghệ nhân giống và nuôi cấy mô phục vụ cho sản xuất thuốc, sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học sử dụng cho chẩn đoán và điều trị. Phát triển công nghệ tự động hóa trong sản xuất trang thiết bị y tế, xử lý chất thải bệnh viện, quản lý bệnh viện.

Tăng cường công tác thông tin y tế, ứng dụng các phần mềm tin học, củng cố hệ thống báo cáo thống kê, cung cấp thông tin kịp thời với độ tin cậy cao cho công tác quản lý ở các cấp. Phát triển công nghệ thông tin y học từ xa áp dụng trong chẩn đoán và điều trị.

8. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác y tế

a) Đổi mới cơ chế, chính sách

Tăng nhanh tỷ trọng các nguồn tài chính công cho y tế (bao gồm ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế), giảm dần hình thức thanh toán viện phí trực tiếp từ người bệnh. Bảo đảm tốc độ tăng chi từ ngân sách nhà nước cho ngành y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước hàng năm; trong đó ưu tiên đầu tư cho y

tế cơ sở, cho các vùng nghèo, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, y tế dự phòng và chú trọng phát triển y tế kỹ thuật cao.

Thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp có thu trong lĩnh vực y tế. Riêng đối với các cơ sở khám, chữa bệnh công lập, việc thực hiện tự chủ về tài chính cần được tiến hành từng bước, song song với việc bảo đảm hỗ trợ người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội và tiến trình mở rộng bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010.

Xây dựng và ban hành Nghị định về điều chỉnh viện phí trên cơ sở tính đủ các chi phí trực tiếp phục vụ người bệnh. Công khai các khoản thu, mức thu viện phí tại các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước.

Khuyến khích các cơ sở y tế huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị và cung cấp các dịch vụ y tế phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

Khuyến khích các Bộ, ngành tăng cường nguồn vốn đầu tư để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng, bảo đảm môi trường lao động và sức khỏe cho người lao động.

Đảm bảo ngân sách và tổ chức tốt việc khám, chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội; xây dựng chính sách trợ giúp đối với những người có thu nhập

thấp (cận nghèo), đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe.

Chuyển dần chi thường xuyên ngân sách nhà nước từ hình thức cấp cho các cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng dịch vụ.

Nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật Bảo hiểm y tế. Tổ chức triển khai tốt Nghị định số 63/2005/NĐ-CP của Chính phủ về Điều lệ Bảo hiểm y tế. Xây dựng và triển khai tốt lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010. Đa dạng hóa các loại hình bảo hiểm y tế, phát triển các loại hình bảo hiểm y tế dựa vào cộng đồng. Xây dựng chính sách hỗ trợ một phần kinh phí để khuyến khích những người có thu nhập thấp, tham gia bảo hiểm y tế. Tổ chức tốt việc cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; mở rộng triển khai khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đến trạm y tế các xã/phường. Điều chỉnh mệnh giá bảo hiểm y tế, tăng mức trần chi trả, bổ sung kịp thời danh mục thuốc, dịch vụ y tế được bảo hiểm y tế thanh toán. Đổi mới thủ tục và phương thức thanh toán, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh.

b) Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong ngành Y tế; hoàn thiện hệ thống pháp luật về y tế phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nghiên cứu và đề xuất với Quốc hội xây

dựng Luật Khám, chữa bệnh để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người bệnh và của cán bộ y tế trong lúc làm nhiệm vụ; xây dựng Luật Bảo hiểm y tế; thực hiện bảo hiểm rủi ro nghề nghiệp đối với cán bộ y tế khi làm nhiệm vụ.

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết về các lĩnh vực quản lý, sản xuất và cung cấp dịch vụ y tế nhằm từng bước sẵn sàng đáp ứng với các quy định của WTO và các điều ước quốc tế trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Kiện toàn hệ thống thanh tra y tế, nâng cao hiệu lực hoạt động thanh tra để thực hiện tốt quản lý nhà nước bằng pháp luật. Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định về Thanh tra y tế. Tăng cường đội ngũ cán bộ thanh tra y tế, đảm bảo tăng số lượng thanh tra y tế từ 200 cán bộ (tương đương 0,025 cán bộ/10.000 dân) hiện nay lên 400 cán bộ (tương đương 0,05 cán bộ/10.000 dân) vào năm 2010.

Nâng cao năng lực lập kế hoạch và quản lý tài chính trong các lĩnh vực hoạt động của ngành Y tế. Thường xuyên theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch. Phân cấp quản lý rõ ràng cho các tuyến y tế, các địa phương. Tăng cường quản lý chất lượng dịch vụ y tế, quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính của các cơ sở y tế công lập nhằm bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao. Triển khai thực hiện Pháp lệnh Hành nghề y dược tư nhân, làm tốt vai trò quản lý nhà nước đối với hệ thống y tế tư nhân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra để các cơ sở y tế ngoài công lập hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, đặc biệt là quy chế kê đơn và bán thuốc. Khuyến khích các cơ sở y tế ngoài công lập tham gia khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và hoạt động nhân đạo vì sức khỏe.

9. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác đa phương và song phương với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các tổ chức ngân hàng quốc tế và Chính phủ các nước đã và đang có chính sách hỗ trợ, hợp tác với Việt Nam.

Xây dựng cơ chế sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ nước ngoài. Xây dựng một số đề án đầu tư trọng điểm để kêu gọi đầu tư, phát triển y tế vùng, y tế tuyến tỉnh, huyện và cho từng lĩnh vực của ngành y tế trong từng giai đoạn phát triển.

Tích cực huy động các nguồn viện trợ không hoàn lại hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em, người tàn tật và phòng, chống một số bệnh, dịch nguy hiểm như Lao, Sốt rét, HIV/AIDS và các bệnh, dịch mới xuất hiện.

Mở rộng hợp tác song phương và đa

phương trong việc phát triển, ứng dụng kỹ thuật y dược học tiên tiến.

Khuyến khích viện trợ cho công tác xây dựng chính sách phát triển ngành Y tế và cho nghiên cứu khoa học.

Tăng cường đào tạo cán bộ y tế tại các nước phát triển nhằm tiếp thu các thành quả tiến bộ khoa học y học trên thế giới.

Mở rộng liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư phát triển các lĩnh vực của ngành y tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Nghiên cứu, quán triệt các nội dung của Nghị quyết và Chương trình hành động; cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết và Chương trình hành động này trong kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm của các Bộ, ngành và địa phương.

- Tổ chức triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ, bố trí chi ngân sách nhà nước cho hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tế tại địa phương, phù hợp với

định hướng, mục tiêu chung đã được xác định tại Nghị quyết số 46/NQ-TW.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành, địa phương, các đoàn thể tổ chức phổ biến rộng rãi nội dung Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này.

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ các đề án, dự án theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình này và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí đủ vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm nhằm đầu tư mạnh, tạo bước bứt phá để nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, các trung tâm y tế vùng và các trung tâm y tế chuyên sâu.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành có liên quan đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính y tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế; giảm dần hình thức thanh toán viện phí trực tiếp từ người bệnh, bảo đảm cung cấp đủ kinh phí khám, chữa bệnh cho người có công với cách mạng, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội khác.

5. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các cơ quan có liên quan sớm hoàn thiện đề án tăng cường tính tự chủ cho các bệnh viện; đề án đổi mới và kiện toàn cơ quan quản lý nhà nước về dược, an toàn vệ sinh thực phẩm trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2005.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Y tế xây dựng một số trung tâm đào tạo cán bộ y tế ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, tăng cường đào tạo cán bộ y tế theo hình thức cử tuyển cho miền núi và đồng bằng sông Cửu Long, mở rộng việc đưa cán bộ y tế có trình độ cao đi đào tạo ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

7. Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với Bộ Y tế đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đồng thời phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Y tế đẩy mạnh việc triển khai phong trào xây dựng "Làng Văn hóa - Sức khỏe" ở mọi thôn, bản.

8. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Y tế đẩy mạnh Chương trình kết hợp quân - dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang.

9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Y tế xây dựng và thực hiện các chương trình phòng, chống tai nạn lao động, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho người lao động; triển khai tốt công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo; triển khai có hiệu quả hoạt động

của các trung tâm cai nghiện, chữa bệnh cho đối tượng tệ nạn ma túy, mại dâm.

10. Ủy ban Thể dục Thể thao phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế và các Bộ, ngành có liên quan tổ chức có hiệu quả đề án: “Nâng cao tầm vóc và thể chất người Việt Nam” và các hoạt động khác góp phần nâng cao sức khỏe cho con người Việt Nam.

11. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế để triển khai tổ chức tốt công tác khám, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi.

12. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có nhiệm vụ triển khai các chính sách về bảo hiểm y tế nhằm thực hiện đúng lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010.

13. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai toàn diện và có hiệu quả các nội dung nêu trong Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này tại địa phương mình.

- Hoàn thành việc xây dựng Chương trình hành động của tỉnh, thành phố trước ngày 31 tháng 10 năm 2005 để triển khai cụ thể Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ.

- Huy động các nguồn lực tại địa phương,

bổ trí ngân sách cho các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng kế hoạch, kế hoạch hoạt động cần được xây dựng trên cơ sở những nguồn lực có sẵn và giải quyết cụ thể những vấn đề sức khỏe của nhân dân trong địa phương.

- Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với từng điều kiện hoàn cảnh của địa phương nhằm tạo lập một hành lang pháp lý để các tổ chức, tập thể và nhân dân tham gia tích cực vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

- Tổ chức tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả của hoạt động chăm sóc sức khỏe tại địa phương.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chương trình hành động này của Chính phủ và xuất phát từ tình hình thực tế của từng Bộ, ngành, địa phương tổ chức ngay việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Khiêm

DANH MỤC

**CÁC ĐỀ ÁN QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 46/NQ-TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ CÔNG TÁC
BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 243/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)

Số thứ tự	Nội dung công việc	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến
1	Luật Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân (sửa đổi)	Luật sửa đổi trình QH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2006
2	Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Luật trình QH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2007
3	Luật Bảo hiểm y tế	Luật trình QH	Bộ Y tế	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	2007
4	Luật Phòng chống HIV/AIDS	Luật trình QH	Bộ Y tế	Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2007
5	Luật Y Dược học cổ truyền	Luật trình QH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2010
6	Pháp lệnh Phòng, chống các bệnh truyền nhiễm	Pháp lệnh trình UBTVQH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2007
7	Pháp lệnh Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người	Pháp lệnh trình UBTVQH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2005

Số thứ tự	Nội dung công việc	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến
8	Pháp lệnh về an toàn truyền máu	Pháp lệnh trình UBTVQH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2008
9	Pháp lệnh Phòng, chống tác hại của thuốc lá	Pháp lệnh trình UBTVQH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp, Bộ Thương mại	2008
10	Pháp lệnh Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Pháp lệnh trình UBTVQH	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2009
11	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2007
12	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm y tế	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	2008
13	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Y Dược học cổ truyền	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2010
14	Nghị định của Chính phủ về Thanh tra y tế	Nghị định trình CP	Bộ Y tế		2006
15	Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2010
16	Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Phòng, chống tác hại của thuốc lá	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp, Bộ Thương mại	2009
17	Nghị định hướng dẫn thi hành Pháp lệnh về an toàn truyền máu	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp	2009
18	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và khám nghiệm tử thi	Nghị định trình CP	Bộ Y tế		2006

Số thứ tự	Nội dung công việc	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến
19	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống HIV/AIDS	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2007
20	Nghị định của Chính phủ ban hành Điều lệ kiểm dịch biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nghị định trình CP	Bộ Y tế	Bộ Ngoại giao	2006
21	Nghị định của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm thay thế sữa mẹ để bảo vệ và khuyến khích việc nuôi con bằng sữa mẹ	Nghị định (sửa đổi, bổ sung) trình CP	Bộ Y tế	Bộ Thương mại	2005
22	Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến 2010 và định hướng đến 2020	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2005
23	Quy hoạch mạng lưới khám, chữa bệnh	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2005
24	Quy hoạch về hệ thống đào tạo của ngành Y tế	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
25	Xây dựng quy hoạch tổng thể các phòng kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2005
26	Đề án đào tạo nhân tài, đào tạo kỹ thuật cao cho các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế tuyến tỉnh và tuyến Trung ương	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006

Số thứ tự	Nội dung công việc	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến
27	Đề án đào tạo bác sỹ cử tuyển cho con em đồng bào dân tộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Trung Bộ và miền núi phía Bắc	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
28	Đề án xây dựng chế độ chính sách thu hút cán bộ y tế về vùng sâu, vùng xa	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ	2005
29	Đề án xây dựng định mức lao động trong các cơ sở y tế	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ	2005
30	Đề án về chế độ phụ cấp, ưu đãi nghề cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Y tế	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính	2005
31	Đề án về chính sách viện phí	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Tài chính	2005
32	Đề án quản lý nhà nước về Dược: 1. Đề án phát triển công nghiệp Dược và xây dựng mô hình hệ thống cung ứng thuốc của Việt Nam giai đoạn đến năm 2015 2. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về Dược giai đoạn đến năm 2015	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2006
33	Đề án đầu tư xây dựng và hoàn thiện bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2005
34	Đề án nâng cấp hệ thống bệnh viện tuyến huyện	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2005
35	Đề án đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp trạm y tế xã	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2006

Số thứ tự	Nội dung công việc	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian dự kiến
36	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo và người dân tộc thiểu số	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Y tế	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2005
37	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác y tế trường học	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Y tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005
38	Chương trình mục tiêu y tế quốc gia về phòng, chống các bệnh xã hội và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây dịch giai đoạn 2006 - 2010	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2005
39	Đề án củng cố mạng lưới y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc theo tôn giáo và hành nghề khám, chữa bệnh của cá nhân, các tổ chức theo tôn giáo	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Bộ Nội vụ	2005
40	Kế hoạch hành động quốc gia bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đến năm 2010	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế		2006
41	Đề án hình thành tổ chức và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có trách nhiệm trong việc bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể chất và tầm vóc của con người Việt Nam	Đề án trình TTCP	Bộ Y tế	Ủy ban Thể dục Thể thao	2006

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Khiêm